

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 556/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26/5/2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, TP. HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng Phương

Ông Nguyễn Thành Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thịnh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2021 tại phòng xử án - Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1089/2020/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2020 về việc Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 267/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T - Sinh năm: 1987

Địa chỉ: 23/3 tổ 16, khu phố 6, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thủy T - Sinh năm: 1991

Địa chỉ: 305/25 đường Thạnh Xuân 25, tổ 29, khu phố A, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai, biên bản ghi nhận không tiến hành hoà giải được, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đơn xin vắng mặt nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Thủy T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06 do UBND phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/01/2010. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 bà Nguyễn Thị Thủy T đi xuất khẩu lao động tại Malaysia. Năm 2017, bà Nguyễn Thị Thủy T về Việt Nam nhưng sau đó bà T bỏ nhà ra đi và đến nay

vẫn không chịu về nhà mặc dù ông T đã khuyên nhủ nhiều lần, từ đó hai vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm, chăm sóc cho ai. Từ khi 02 vợ chồng ông bà sống ly thân đến nay con chung do bà Nguyễn Thị Thủy T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ và ông Nguyễn Văn T không còn tình cảm gì với bà Nguyễn Thị Thủy T nữa nên ông Nguyễn Văn T yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thủy T.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Bảo T, sinh ngày 22/11/2010.

Ông Nguyễn Văn T tự nguyện giao con chung tên Nguyễn Bảo T, sinh ngày 22/11/2010 cho bà Nguyễn Thị Thủy T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông Nguyễn Văn T không cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thủy T vắng mặt tại phiên toà.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 12 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn. Đây là tranh chấp về ly hôn. Bị đơn đang cư trú tại Quận 12 nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Toà án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên hoà giải, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải và triệu tập bị đơn bà Nguyễn Thị Thủy T đến Toà án làm việc, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải vào các ngày 03/02/2021 và ngày 02/4/2021 nhưng bà Nguyễn Thị Thủy T đều vắng mặt, vì vậy việc hoà giải không thể tiến hành được.

Toà án đã tổng đạt thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 05/4/2021 cho bị đơn bà Nguyễn Thị Thủy T.

Toà án đã tổng đạt và triệu tập hợp lệ bị đơn tham gia tố tụng tại phiên toà vào ngày 28/4/2021 và ngày 26/5/2021 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về các yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Thủy T tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn. Như vậy, hôn nhân của Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Thủy T được thực hiện theo đúng các điều kiện và thủ tục kết hôn nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: quan hệ tình cảm vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Thủy T thực sự mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, cùng nhau nuôi dạy con cái. Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà Nguyễn Thị Thủy T đến Tòa để giải quyết vụ kiện nhưng bà Nguyễn Thị Thủy T không đến thể hiện bà Nguyễn Thị Thủy T không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa 02 vợ chồng. Xét thấy, đời sống chung giữa vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Thủy T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại các Điều 19, 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Xét thấy, con chung hiện do bà Nguyễn Thị Thủy T đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Mặt khác, việc chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ gái do người mẹ đảm nhận sẽ tốt hơn cho sự phát triển của trẻ nên ý kiến của ông Nguyễn Văn T về việc tự nguyện giao con chung cho bà Nguyễn Thị Thủy T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có cơ sở chấp nhận. Ông Nguyễn Văn T trình bày hiện không có khả năng cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Nguyễn Văn T cho đến khi bà Nguyễn Thị Thủy T có yêu cầu.

Ông Nguyễn Văn T trình bày không có tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản và không yêu cầu Tòa án giải nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) ông Nguyễn Văn T phải nộp, được căn trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) ông Nguyễn Văn T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0105450 ngày 05/11/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 12. Ông Nguyễn Văn T đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 8, 9, 19, 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thủy T.

- Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Bảo T, sinh ngày 22/11/2010.

Giao con chung tên Nguyễn Bảo T, sinh ngày 22/11/2010 cho bà Nguyễn Thị Thủy T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Nguyễn Văn T cho đến khi bà Nguyễn Thị Thủy T có yêu cầu.

Không ai được ngăn cản quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của người con khi cần thiết có thể xin thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng ông Nguyễn Văn T phải nộp, được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng ông Nguyễn Văn T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0105450 ngày 05/11/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 12. Ông Nguyễn Văn T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 06 do UBND phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/01/2010 không còn giá trị pháp lý.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q12;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Mai